

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà để làm căn cứ  
tính lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 13 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ;*

*Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quyết định này quy định giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà để làm căn cứ tính lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Quyết định này không áp dụng đối với các trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 7 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ.

3. Các nội dung khác có liên quan đến lệ phí trước bạ đối với nhà không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 10/2022/NĐ-CP và Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, cá nhân nộp lệ phí trước bạ đối với nhà.

2. Cơ quan thuế và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 3. Giá trị nhà tính lệ phí trước bạ và tỷ lệ phần trăm (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ**

1. Giá trị nhà tính lệ phí trước bạ được xác định như sau:

Giá trị nhà tính diện tích nhà chịu Giá 01 (một) Tỷ lệ (%) chất lượng  
 lệ phí trước bạ = lệ phí trước bạ x mét vuông nhà x còn lại của nhà chịu lệ  
 (đồng) (m<sup>2</sup>) (đồng/m<sup>2</sup>) phí trước bạ

Trong đó:

a) Diện tích nhà chịu lệ phí trước bạ là toàn bộ diện tích sàn nhà (kể cả diện tích công trình phụ kèm theo) thuộc quyền sở hữu hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

b) Giá 01 (một) m<sup>2</sup> nhà được xác định theo Phụ lục kèm theo Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

c) Tỷ lệ phần trăm (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ quy định cụ thể tại khoản 3 Điều này.

## 2. Tỷ lệ phần trăm (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ

Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà =  $\frac{\text{Chất lượng nhà mới xây dựng (100\%) - Thời gian đã sử dụng}}{\text{Chất lượng nhà mới xây dựng (100\%)}}$  x Tỷ lệ hao mòn (%/năm)

Trong đó:

a) Chất lượng nhà mới xây dựng: Chất lượng 100%;

b) Thời gian đã sử dụng để tính tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà được tính từ thời điểm (năm) xây dựng đến năm kê khai lệ phí trước bạ. Trường hợp nếu không xác định được thời điểm đưa vào sử dụng thì tính từ thời điểm bên mua thanh lý hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhà, hợp đồng mua bán nhà;

c) Tỷ lệ hao mòn (%/năm) của từng loại nhà được áp dụng theo tỷ lệ hao mòn của nhà, công trình xây dựng theo Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, cụ thể:

| Loại nhà      | Tỷ lệ hao mòn (%/năm) |
|---------------|-----------------------|
| Nhà biệt thự  | 1,25                  |
| Nhà ở cấp I   | 1,25                  |
| Nhà ở cấp II  | 2,0                   |
| Nhà ở cấp III | 4,0                   |
| Nhà ở cấp IV  | 6,67                  |

## Điều 4. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 4 năm 2025 và thay thế Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định về giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ

sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Những trường hợp đã nộp hồ sơ lệ phí trước bạ trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa ban hành thông báo nộp tiền của cơ quan thuế thì áp dụng theo quy định tại Quyết định này.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Xây dựng; Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực XVII; Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành tỉnh; và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

***Nơi nhận:***

- Như khoản 4 Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH;
- TT.UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp, Sở Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT.209.KTNV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**